

A 请问, 厕所在哪里?

Qǐngwèn, cèsuǒ zài nǎlǐ?
Excuse me, where is the restroom?

B 在那里。

Zài nàlǐ.
It's there.

A 谢谢你。

Xièxiè nǐ.
Thank you.

B 不用谢。

Bù yòng xiè
No need to thank me.

请问 qǐngwèn excuse me

厕所 cèsuǒ restroom

不用 Bù yòng no need to... (lit. no use)